

Số: 5-7/2021/BC-CT6

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO
Thường niên năm 2020

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà số 6 Hà Nội
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0100383878 thay đổi lần 10 do Phòng Đăng ký Kinh doanh Sở Kế hoạch Đầu tư cấp ngày 17/09/2020.
- Vốn điều lệ: 144.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Địa chỉ: Tầng 6A, tòa nhà Diamond Flower Tower, 48 đường Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
- Số điện thoại: 04.62591706
- Website: Handico6.com.vn
- Mã cổ phiếu: HD6
- Quá trình hình thành và phát triển: Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà số 6 Hà Nội tiền thân là Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà số 6 Hà Nội thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo quyết định 994/QĐ-UB ngày 25/02/2005 của UBND Thành phố Hà Nội.

2. Ngành nghề kinh doanh:

- Đầu tư xây dựng kinh doanh phát triển nhà;
- Xây dựng và lắp đặt các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi, thể dục thể thao;
- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, các khu đô thị và công nghiệp, xây dựng các công trình thủy lợi, giao thông;
- Xây dựng và lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35KVA, xây dựng và lắp đặt các hệ thống trang thiết bị điện, cấp thoát nước thông dụng;
- Đào đắp đất đá, nề mộc, bê tông sắt thép trong xây dựng;
- Lắp đặt thiết bị: điện nước dân dụng, các sản phẩm cơ khí xây dựng, thang máy, cầu kiện gỗ, sắt thép;
- Xây dựng và cải tạo, nâng cấp nhà ở để bán, cho thuê;

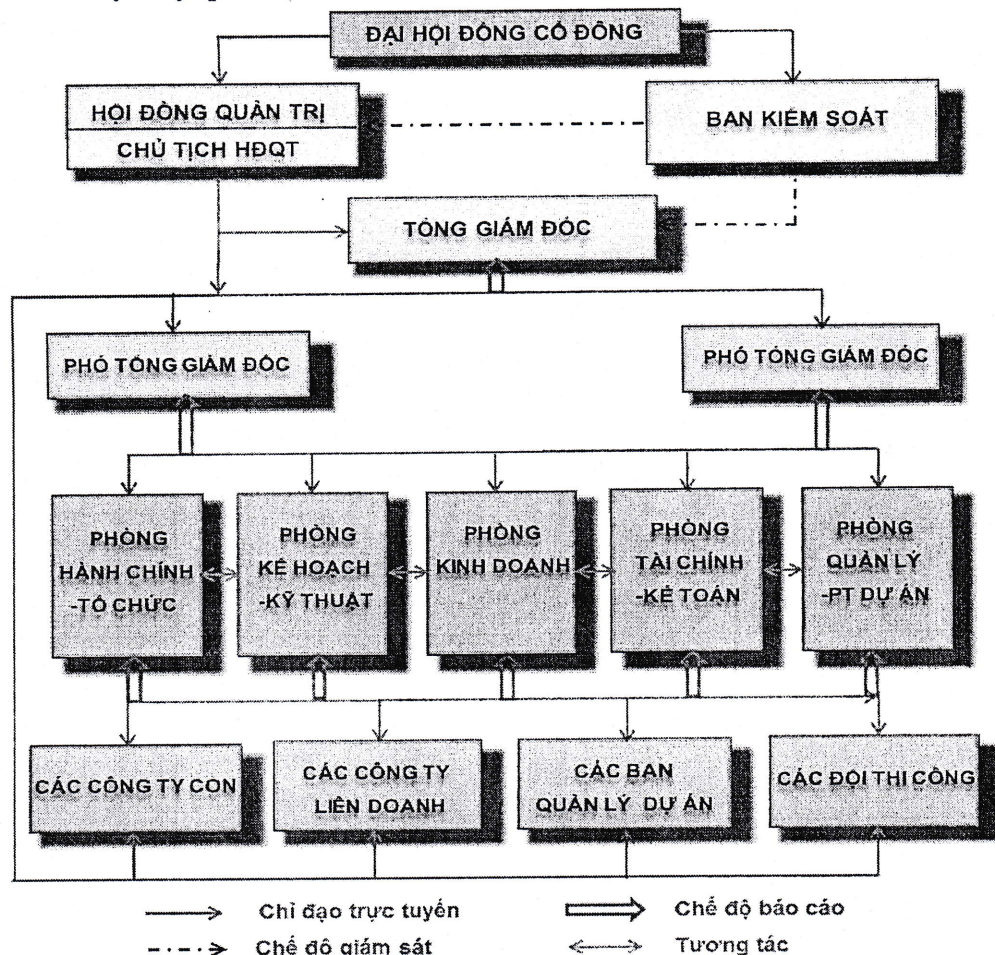


- Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, cấu kiện kim loại, cấu kiện gỗ, trang trí nội ngoại thất;
- Xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị chuyên ngành xây dựng;
- Tư vấn về đầu tư và xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp, tư vấn quản lý dự án, tư vấn soạn thảo hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu, tư vấn về trang thiết bị trong xây lắp cho chủ đầu tư trong và ngoài nước;
- Tư vấn thiết kế kiến trúc, nội ngoại thất, tổng mặt bằng đối với các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh nhà, khách sạn;
- Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế và dịch vụ khách du lịch;
- Tổ chức dịch vụ quản lý, vận hành, khai thác khu đô thị mới và nhà chung cư do Công ty quản lý;
- Thi công cấp dự ứng lực và chuyển giao công nghệ thi công bê tông ứng suất trước.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. **Mô hình quản trị:** Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc.

3.2. **Cơ cấu bộ máy quản lý:**



3.3. Các công ty con, công ty liên kết

3.3.1. Công ty con:

a. CTCP Dịch vụ Thương mại và Sàn Bất động sản Handico6

- Tên công ty: CTCP Dịch vụ Thương mại và Sàn Bất động sản Handico6
- Địa chỉ: Tầng 6A, tòa nhà Hỗn hợp, lô đất C1, đường Lê Văn Lương, P.Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, Hà Nội
- Điện thoại: 0246.655.3685
- Giấy CNĐKKD số: 0104084452 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 03/08/2009
- Vốn điều lệ đăng ký: 8.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 8.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ góp vốn thực tế tại CTCP Dịch vụ Thương mại và Sàn Bất động sản Handico6: 6.000.000.000 đồng tương đương 75% vốn điều lệ.
- Hoạt động kinh doanh chính:
 - + Kinh doanh bất động sản
 - + Trang trí nội, ngoại thất
 - + Hoạt động tư vấn quản lý

b. CTCP Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hạ Long

- Tên công ty: CTCP Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hạ Long
- Địa chỉ: Thửa đất KS-E1, khu đô thị mới Vượng Đàng, P.Yết Kiêu, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
- Điện thoại: 0246.259.1709
- Giấy CNĐKKD số: 5701851456 do Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 02/03/2017
- Vốn điều lệ đăng ký: 100.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 100.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ góp vốn thực tế tại CTCP Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hạ Long: 84.000.000.000 đồng tương đương 70% vốn điều lệ.
(Do CTCP Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội mua lại cổ phần của các cổ đông khác với mức giá cao hơn so với giá gốc: 5.000.000cp x 10.000 đồng; 2.000.000cp x 17.000 đồng. Đến cuối năm 2019, Công ty mới thanh toán 83.450.000.000 đồng, đến tháng 01/2020 nộp thêm 550.000.000 đồng mới đủ 84.000.000.000 đồng (Vốn gốc là 70.000.000.000 đồng, chênh lệch giá là 14.000.000.000 đồng), mệnh giá 1 cổ phần là 10.000 đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính:
 - + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
 - + Xây dựng nhà các loại;

+ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

c. CTCP Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Hà Nội Xanh

- Tên công ty: CTCP Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Hà Nội Xanh
 - Địa chỉ: Tầng 6A, tòa nhà Diamond Flower, số 48 đường Lê Văn Lương, P.Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP Hà Nội
 - Điện thoại: 0243.782.2771
 - Giấy CNĐKKD số: 0107715843 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 24/01/2017
 - Vốn điều lệ đăng ký: 100.000.000.000 đồng
 - Vốn điều lệ thực góp: 310.000.000 đồng
- Tỷ lệ góp vốn thực tế tại CTCP Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Hà Nội Xanh: 300.000.000 đồng tương đương 96,77% vốn điều lệ thực góp. Theo cam kết góp vốn, Handico 6 đóng góp 65% vốn điều lệ. Tuy nhiên hiện tại CTCP Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Hà Nội Xanh đã dừng hoạt động và đang làm thủ tục giải thể nên Handico 6 không tiếp tục góp vốn tại công ty này.
- Hoạt động kinh doanh chính:
 - + Trồng cây dược liệu, cây ăn quả và cây lâu năm
 - + Dịch vụ chuyển giao công nghệ

d. CTCP Tháp Hoa Kim Cương

- Tên công ty: CTCP Tháp Hoa Kim Cương
 - Địa chỉ: Số 124 Tôn Đức Thắng, P.Quốc Tử Giám, Q.Đống Đa, TP Hà Nội
 - Giấy CNĐKKD số: 0102800372 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 03/07/2008
 - Vốn điều lệ đăng ký: 20.000.000.000 đồng
 - Vốn điều lệ thực góp: 499.223.600 đồng
- Tỷ lệ góp vốn thực tế tại CTCP Tháp Hoa Kim Cương: 499.223.600 đồng tương đương 71,4% vốn điều lệ.
- Hoạt động kinh doanh chính:
 - + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
 - + Xây dựng nhà các loại
 - + Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

3.3.2. Công ty liên kết

a. Công ty Thương mại và Xây lắp Handico 6

- Tên công ty: Công ty Thương mại và Xây lắp Handico 6
- Địa chỉ: Tầng 6A, tòa nhà Hỗn hợp, lô đất C1, đường Lê Văn Lương, P.Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP Hà Nội

- Giấy CNĐKKD số: 0104990150 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 04/11/2010
 - Vốn điều lệ đăng ký: 12.000.000.000 đồng
 - Vốn điều lệ thực góp: 12.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ góp vốn thực tế tại Công ty Thương mại và Xây lắp Handico 6: 1.000.000.000 đồng tương đương 8,33% vốn điều lệ thực góp. Theo cam kết góp vốn, Handico 6 đóng góp 30% vốn điều lệ. Tuy nhiên hiện tại Công ty Thương mại và Xây lắp Handico 6 đang tạm dừng hoạt động nên Handico 6 không tiếp tục góp vốn tại công ty này.
- Hoạt động kinh doanh chính:
 - + Thi công điện, nước, điều hoà

b. CTCP Bất động sản Land6

- Tên công ty: CTCP Bất động sản Land6
 - Địa chỉ: Số 124 Tôn Đức Thắng, P. Quốc Tử Giám, Q.Đống Đa, TP Hà Nội
 - Giấy CNĐKKD số: 0104754280 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 14/06/2010
 - Vốn điều lệ đăng ký: 6.000.000.000 đồng
 - Vốn điều lệ thực góp: 6.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ góp vốn thực tế tại CTCP Bất động sản Land6: 1.800.000.000 đồng tương đương 30% vốn điều lệ.
- Hoạt động kinh doanh chính:
 - + Buôn bán máy móc, thiết bị, vật liệu và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng
 - + Kinh doanh BĐS

c. CTCP Xây lắp Cơ điện HANDICO 6

- Tên công ty: CTCP Xây lắp Cơ điện HANDICO 6
 - Địa chỉ: Tầng L1, tòa nhà Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, P.Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP Hà Nội
 - Giấy CNĐKKD số: 0106144770 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 04/04/2013
 - Vốn điều lệ đăng ký: 2.000.000.000 đồng
 - Vốn điều lệ thực góp: 2.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ góp vốn thực tế tại CTCP Xây lắp Cơ điện HANDICO 6: 600.000.000 đồng tương đương 30% vốn điều lệ
- Hoạt động kinh doanh chính:
 - + Thương mại và Xây lắp điện nước.

d. CTCP Đầu tư Bất động sản và Cơ sở Hạ tầng Nhân Việt

- Tên công ty: CTCP Đầu tư Bất động sản và Cơ sở Hạ tầng Nhân Việt
- Địa chỉ: Số 17 ngõ Núi Trúc, phố Núi Trúc, P.Kim Mã, Q.Ba Đình, TP Hà Nội

- Giấy CNĐKKD số: 0102223220 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 16/04/2007
- Vốn điều lệ đăng ký: 14.500.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 14.500.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ góp vốn thực tế tại CTCP Xây lắp Cơ điện HANDICO 6: 4.000.000.000 đồng tương đương 0,0275% vốn điều lệ
- Hoạt động kinh doanh chính:
 - + Kinh doanh BĐS;
 - + Xây dựng.

Trên báo cáo tài chính riêng kiểm toán năm 2019, trong năm 2019, Công ty đã chuyển nhượng hết số cổ phần sở hữu tại Công ty cổ phần Tân Phú Long. Đồng thời, trong năm 2019, Công ty đầu tư thêm 20% cổ phần vào Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hạ Long để thực hiện dự án Tổ hợp chung cư thương mại và biệt thự liền kề Hạ Long trên khu đất 15.207 m², tại KS-E1, khu đô thị mới Vượng Đông, phường Yết Kiêu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, với tổng tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hạ Long là 70%, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội trở thành Công ty mẹ.

4. Định hướng phát triển

4.1. Công tác quản trị, điều hành:

- Tập trung công tác quản lý đầu tư và kinh doanh có hiệu quả dự án 1.5 ha Hạ Long.
- Triển khai nhanh các thủ tục để tham gia Đấu thầu chủ đầu tư dự án 6 ha Bãi cháy – 104ha Tỉnh Thừa Thiên – Huế, phân đấu giữa năm 2021 khởi công các dự án trên.

4.2. Chiến lược trung và dài hạn:

- Kiên trì đi theo hướng đầu tư Bất động sản, xây lắp các dự án của Công ty.
- Nâng cao về quy mô, mô hình dịch vụ, quản lý, khai thác và kinh doanh các dự án BĐS sau đầu tư.
- Nghiên cứu và phát triển thêm loại hình BĐS nghỉ dưỡng, khu công nghiệp.
- Từng bước tích lũy vốn và vận dụng dòng tiền để dành một phần đầu tư BĐS cho thuê, kinh doanh nhằm tạo ra nguồn thu ổn định để duy trì các hoạt động của Công ty một cách ổn định.
- Lựa chọn thời điểm thích hợp để niêm yết Cổ phần Công ty lên sàn chứng khoán nhằm nâng thương hiệu và quy mô hoạt động của Công ty.
- Vãn lấy phương châm “**Tăng trưởng ổn định, phát triển vững chắc**” làm kim chỉ nam cho việc hoạch định đường lối phát triển và sản xuất kinh doanh của Công ty.

5. Các rủi ro

- Dịch COVID – 19 đầu năm tái phát trong quý II đã ảnh hưởng vô cùng lớn tới việc triển khai thực hiện các dự án đặc biệt là vấn đề nhân lực.

- Các thủ tục pháp lý về đầu tư dự án ngày càng chặt chẽ. Những quy định về giấy phép xây dựng, chứng chỉ hành nghề doanh nghiệp, chứng chỉ hành nghề cá nhân đã, đang gây khó khăn cho việc tham gia thực hiện dự án, dự thầu xây lắp, tìm kiếm công việc.
- Thị trường bất động sản đã, đang xuất hiện rất nhiều những doanh nghiệp lớn, tiềm lực tài chính mạnh tạo ra thị trường cạnh tranh rất quyết liệt.
- Công ty đang trong giai đoạn đầu tư và triển khai thực hiện mở rộng các nhiệm vụ SXKD đã bộc lộ những khiếm khuyết về nguồn nhân lực, thiếu nguồn cán bộ có chất lượng để thực hiện các dự án, công trình.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Tổng doanh thu:	78,37 tỷ đồng
Nộp ngân sách NN:	2,164 tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế:	8,2 tỷ đồng
Thu nhập bình quân đầu người:	12,00 triệu đồng/người/ tháng

(Kết quả các chỉ tiêu SXKD không bao gồm các công ty liên kết)

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách ban điều hành

1. Tổng Giám đốc: Bế Ngọc Long

Số CMND: 001058012315 do Cục ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp

HKTT: số 17 ngõ 6 Thành Công, Ba Đình, HN

Số CP sở hữu: 81.000 CP

2. Phó Tổng Giám đốc: Hoàng Quế Sơn

Số CMND: 011694800 do Công an HN cấp ngày 29/12/2011

HKTT: Phòng 306, K17 Tập thể Đại học Bách khoa, HN

Số CP sở hữu: 1.355CP

3. Phó Tổng Giám đốc: Ngô Văn Đồng

Số CMND: 034076000783

HKTT: Phòng 2711 tòa Diamond Flower, 48 Lê Văn Lương, TX, HN

- Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc: Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo chế độ lương khoán.

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành: Không có thay đổi

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động: Tính đến 31/12/2020 tổng số CBCNV của Công ty là: 40 người.
- Các chính sách và chế độ thực hiện theo đúng quy định của Luật lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Công tác đầu tư phát triển dự án:

- Dự án E1 Hạ Long hoàn thành xuất sắc công tác chuẩn bị đầu tư, đã triển khai thi công khối cao tầng đảm bảo tiến độ đáp ứng yêu cầu bán hàng. Công tác quản lý đầu tư dự án cơ bản đạt mục tiêu đề ra. Công tác kinh doanh dự án đạt kỳ vọng và là một hiện tượng. Kết thúc năm 2020 đã bán 90% căn hộ khối cao tầng.
- Trên cơ sở những thành tựu và kinh nghiệm đầu tư và triển khai dự án E1 – Hạ Long công ty cũng đang xúc tiến các bước tiếp cận nghiên cứu đầu tư các dự án khác như Dự án khu biệt thự số 1 Cái Dăm – Bãi Cháy – Quảng Ninh, các dự án thuộc tỉnh Phú Yên, dự án khu đô thị ở Phong Điền – Huế.
- Dự án Biệt thự cao cấp Đà Lạt đã tiến hành chuyển nhượng, quyết toán và thanh lý toàn bộ hợp đồng.
- Ngoài các dự án mới đầu tư, các dự án cũ của Công ty như Dự án 102 Nguyễn Khuyến, Dự án 76 Nguyễn Chí Thanh, Dự án HH2 Viễn tin,... tiếp tục tháo gỡ các khó khăn về thủ tục pháp lý, về đền bù giải phóng mặt bằng ... để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư
- Dự án C1 Trung Hòa – Nhân Chính hoàn thành cơ bản công tác quyết toán dự án và quyết toán với bên liên danh.

3.2. Về công tác xây lắp

- Hoàn thành thi công hạng mục ống khói cao 90m Nhà máy Bột giấy VNT19 Quảng Ngãi; Bể nước an toàn 500m³ và 300m³ nhà máy thêu Hòa Phát – Dung Quất – Quảng Ngãi. Ban điều hành thi công đang tập trung hoàn thiện hồ sơ Hoàn công, nghiệm thu quyết toán, thanh toán các công trình này.
- Đã thi công và quyết toán xong gói thầu Hạ tầng và hàng rào nhà máy BIGFA. Hoàn thành xây lắp gói thầu nhà xưởng sản xuất BIGFA. Đang tiến hành lập hồ sơ quyết toán và thanh toán dứt điểm gói thầu nhà xưởng sản xuất.
- Dự án E1 – Hạ Long
 - o Khu cao tầng: Đã thi công xong phần cọc khoan nhồi đại trà, kết cấu móng và tầng hầm. Triển khai thi công kết cấu phần thân thô, kết thúc năm 2020 đã thi công xong kết cấu BTCT đến hết sàn tầng 7; hợp đồng mua tấm tường và chuẩn bị điều kiện để lắp dựng tấm tường ngăn phòng theo thiết kế.
 - o Khu thấp tầng: Đã triển khai thi công 15/24 căn Shophouse bao gồm SH1(2 căn); SH2 (5 căn); SH3 (5 căn); SH3A (3 căn); và 7/42 căn Liên kế (LK3). Kết thúc năm 2020 đã thi công xong toàn bộ phần móng các căn hộ này.
 - o Hạ tầng giao thông, cấp thoát nước: Đã tiến hành thi công, nghiệm thu giai đoạn 1 đủ điều kiện để triển khai bán hàng các căn hộ Shophouse và Liên kế.
- Năm 2020 Công ty tập trung quyết toán và thanh toán một số công trình tồn tại từ những năm 2016 – 2020 như: Hạ tầng Hoàng Văn Thụ - Cao Lộc , Lạng Sơn; Nhà A khi di dân Đồng Tàu; sửa chữa nghiệm thu hết thời gian bảo hành công trình CT1C, Nhà A1 Sóng Hoàng để làm cơ sở thanh toán toàn bộ công nợ còn lại. Ngoài ra Công ty vẫn đang tập trung hoàn thiện hồ sơ, nghiệm thu quyết toán một số công trình tồn

tại như Bắc Phú Cát, gói thầu số 2 Cát Linh – La Thành, số 3 La Thành – Thái Hà; Hạ tầng Bắc Rạch Chiếc; công trình CT2D; CT1A-B.

- Năm 2020 Hội đồng kiểm kê thanh lý tài sản đã tham mưu bán thanh lý một số thiết bị, công cụ dụng cụ cũ nát, hỏng hóc, lạc hậu thành công. Đã sửa chữa, bảo trì một số thiết bị công cụ dụng cụ để đưa vào sử dụng tại dự án E1 – Hạ Long (02 cầu tháp, 02 vận thăng lồng, máy phát điện 250KVA và các công cụ dụng cụ khác).

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2020 (ĐVT: triệu đồng)	Năm 2019 (ĐVT: triệu đồng)	% tăng giảm so với năm trước
Tổng giá trị tài sản	571.101	566.519	100.8%
Doanh thu thuần	78.377	240.646	32.5%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.898	15.732	43.8%
Lợi nhuận khác	1.307	-3.568	
Lợi nhuận trước thuế	8.206	12.164	67.4%
Lợi nhuận sau thuế	6.041	7.902	76.4%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	102.37%	113.21%	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	78%	80.67%	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	71.3%	69%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	248.43%	222.55%	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	107%	202%	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	13.72%	42.48%	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	7.71%	3.28%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	3.69%	4.5%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1.06%	1.4%	

+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	8.8%	6.54%	
-----------------------------------------------------------------	------	-------	--

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

Vốn điều lệ	144.000.000.000 đồng
Mệnh giá 1 cổ phiếu	10.000 đồng
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.400.000 CP
Cổ phiếu quỹ	0CP

b. Cơ cấu cổ đông tại ngày 25/09/2020 (ngày chốt chia cổ tức năm 2019)

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tổng giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
I. Trong nước				
1. Bộ xây dựng	0	0	0	0
2. Tổ chức trong nước khác	2	2.905.205	29.052.050.000	20,18%
3. Cá nhân trong nước	146	11.494.795	114.947.950.000	79,82%
II. Nước ngoài				
1. Tổ chức nước ngoài	0	0	0	0
2. Cá nhân nước ngoài	0	0	0	0
Tổng cộng:	148	14.400.000	144.000.000.000	100%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Năm 2020, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội không có sự thay đổi vốn điều lệ.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Năm 2020, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội không có giao dịch cổ phiếu quỹ

e. Các chứng khoán khác

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

- Trong năm 2020 đảm bảo tuyệt đối công tác an toàn vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ trên toàn Công ty từ công tác quản lý vận hành các tòa nhà đến tổ chức thi công tại công trình.
- Trong năm qua công tác quản lý vật tư thiết bị, công cụ dụng cụ ... đã được kiện toàn và nâng lên một bước, từ khâu kiểm kê thực tế đến duy tu bảo dưỡng, quản lý, vận hành khai thác có hiệu quả.
- Việc thanh lý thiết bị, tài sản, công cụ dụng cụ ... đều được tiến hành theo đúng quy định
- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường
- Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng lao động, mức lương trung bình
 - Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn, phúc lợi của người lao động: Công tác chăm lo đời sống cán bộ công nhân viên được lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm, chế độ lương thưởng đúng hạn, chế độ ốm đau, thai sản, hiếu hỷ, quỹ tương thân tương ái, nghỉ mát, phần thưởng cho các cháu học giỏi, đỗ đại học đều được thực hiện bài bản và được sự đón nhận của mọi người hết sức chân thành, cảm động.
 - Các tổ chức Đảng và Công đoàn, đoàn thanh niên hoạt động khá sôi nổi đáp ứng được yêu cầu của Công ty đề ra.
 - Công ty vẫn duy trì được thương hiệu và hiện tại có nhiều đối tác, khách hàng ... muốn cùng phối hợp với nhiều hình thức khác nhau để tập hợp sức mạnh phục vụ cho phát triển sản xuất kinh doanh.
- Hoạt động đào tạo người lao động
 - Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương
 - Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

III. Báo cáo và đánh giá của BGD

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Báo cáo kết quả hoạt động SXKD của Công ty mẹ

Tổng doanh thu : 78,37 tỷ đồng

Trong đó: + Doanh thu đầu tư dự án:	15,62 tỷ đồng
+ Doanh thu xây lắp:	61,39 tỷ đồng
+ Doanh thu khác:	1,360 tỷ đồng

Nợ ngân sách NN: 2,164 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế: 8,2 tỷ đồng

Thu nhập bình quân đầu người: 12,00 triệu đồng/người/ tháng

(Kết quả các chỉ tiêu SXKD không bao gồm các công ty liên kết)

2. Tình hình tài chính

Do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn ra rất phức tạp, Ban lãnh đạo Công ty đã quyết liệt chỉ đạo thực hiện lành mạnh hóa tài chính tại công ty mẹ và các đơn vị thành viên trên cơ sở xây dựng lộ trình và kiểm soát chặt chẽ hàng tồn, dư nợ phải thu, thu hồi vốn tồn đọng ở các dự án và công trình nhận thầu.

Quản lý chặt chẽ doanh thu, chi phí và cùng các phòng ban liên quan quyết toán các công trình dự án, các nhà thầu ...

Thường xuyên kiểm kê, đối chiếu công nợ định kỳ để ngừa thất thoát có thể xảy ra.

Tình hình tài sản: Tổng tài sản của Công ty mẹ : 571,10 tỷ đồng

Nợ phải trả : 407,19 tỷ đồng;

Hệ số nợ = Nợ phải trả/Tổng tài sản = 0,7

Toàn bộ các khoản nợ phải trả gồm: Các khoản vay ngắn hạn, vay dài hạn.

3. Kế hoạch trong tương lai:

Bám sát các Mục tiêu và Chiến lược phát triển của Công ty đã được nêu tại Mục 4 Phần I. Theo đó, năm 2021 có ý nghĩa quan trọng, là năm đầu của kế hoạch 05 năm giai đoạn 2021-2025. Bên cạnh yếu tố nền kinh tế đang đà phục hồi sau dịch bệnh tạo niềm tin cho cộng đồng doanh nghiệp. Hướng tới kỷ niệm 60 năm thành lập Công ty, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV giữ vững phương châm “**Tăng trưởng ổn định, phát triển vững chắc**” làm kim chỉ nam cho việc hoạch định đường lối phát triển và sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Đánh giá của HĐQT

Trong năm 2020, HĐQT đã hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ, vượt qua khó khăn thách thức và góp phần đạt kết quả kế hoạch mà ĐHCĐ đề ra. Các nội dung thuộc trách nhiệm và thẩm quyền HĐQT về quản trị, quản trị rủi ro, tuân thủ, kiểm dung thuộc trách nhiệm và thẩm quyền HĐQT về quản trị, quản trị rủi ro, tuân thủ, kiểm toán giám sát chiến lược, nhân sự và lương thưởng đã được thực thi nghiêm túc. Các ý kiến đề xuất nâng cao hiệu quả kèm theo các ý kiến đánh giá đều được ghi nhận và triển khai tổ chức thực hiện trong năm 2021. Về cá nhân, hầu hết các thành viên HĐQT được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ, chủ động và tích cực trong việc thực thi trách nhiệm bổ phận của mình.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên, cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Họ và Tên	Chức danh trong HĐQT	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 25/09/2020)	Ngày bắt đầu / không còn là thành viên HĐQT	
				Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Lê Quốc Bình	Chủ tịch HĐQT	Cá nhân : 2.786.622 CP , tỷ lệ 19,35%	07/2005– nay	
2	Bé Ngọc Long	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc	Cá nhân : 81.000 CP, tỷ lệ 0,56 %	07/2020 – nay	
3	Hoàng Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	Cá nhân: 0 CP , tỷ lệ 0%	07/2020 – nay	
4	Vũ Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	Cá nhân: 459.558 CP , tỷ lệ 3,19%	29/04/2008– nay	
5	Phạm Ngọc Chiến	Thành viên HĐQT	Cá nhân: 175.534 CP , tỷ lệ 2,44%	07/2015– nay	
6	Trịnh Văn Định	Thành viên HĐQT	Cá nhân: 85.770 CP , tỷ lệ 0,59%		30/06/2020
7	Nguyễn Trọng Bằng	Thành viên HĐQT	Cá nhân: 8.751 CP , tỷ lệ 0,06%		30/06/2020

1.2. *Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị*

1.3. *Hoạt động của Hội đồng quản trị*

- HĐQT phân công trách nhiệm cho từng thành viên để chủ động thực hiện theo dõi, giám sát, đánh giá hoạt động của Ban TGD.
- HĐQT định kỳ tổ chức các cuộc họp xem xét đánh giá kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu năm đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.
- HĐQT tổ chức các cuộc họp, xin ý kiến các thành viên HĐQT đối với các đề xuất của Ban Tổng giám đốc thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý có liên quan.
- HĐQT tổ chức các chuyến công tác, thị sát thực tế tình hình triển khai công việc tại các công trình, dự án lớn qua đó đánh giá kết quả thực hiện và thống nhất các giải pháp hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ.

1.4. Hoạt động của các Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

2. Ban kiểm soát

2.1. *Thành viên Ban kiểm soát*

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Nguyễn Thị Thu Hiền	Trưởng Ban kiểm soát	07/2015 đến nay	Thạc sỹ ngành Quản trị nhân lực
2	Phan Thị Kim Dung	Thành viên BKS	06/2020 đến nay	Cử nhân kinh tế
3	Phạm Anh Tú	Thành viên BKS	07/2010 đến nay	Kỹ sư

2.2. *Hoạt động của Ban kiểm soát*

- Theo dõi, cập nhật tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên.
- Theo dõi, cập nhật tình hình thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Ban Tổng giám đốc.
- Theo dõi, đánh giá việc tuân thủ các quy định tại điều lệ công ty, luật doanh nghiệp của HĐQT, Ban TGD.

2.3. *Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD, BKS*

- Lương thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:
 - o Lương thưởng và thù lao: Các thành viên của HĐQT, BGD, BKS được hưởng theo lợi nhuận.
 - o Các lợi ích khác: Các thành viên trong HĐQT, BGD, BKS được hưởng quyền lợi theo quy định của Luật lao động.
- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:
 - o Năm 2020, không phát sinh giao dịch mua/bán cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan người nội bộ.
- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.
2. Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.
 - Đã được gửi cho Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, cổng thông tin điện tử của UBCK Nhà nước và trên website Công ty ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội tại địa chỉ : <https://www.handico6.com.vn>

Trong đó:

2.1. Báo cáo tài chính riêng rút gọn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020:

a. Bảng cân đối kế toán riêng:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN		
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	262.626.674.789	228.020.998.188
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3.292.047.797	8.273.129.922
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	191.949.474.875	151.583.137.361
IV. Hàng tồn kho	62.528.337.449	65.530.143.199
V. Tài sản ngắn hạn khác	4.856.814.668	2.634.587.706
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	308.474.842.325	338.498.862.170
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	-
II. Tài sản cố định	4.434.642.123	6.212.985.787
III. Bất động sản đầu tư	1.622.567.454	1.622.567.454
IV. Tài sản dở dang dài hạn	203.583.463.693	200.149.385.329
V. Đầu tư tài chính dài hạn	96.399.223.600	130.513.923.600
VI. Tài sản dài hạn khác	2.434.945.455	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	571.101.517.114	566.519.860.358
C. NỢ PHẢI TRẢ	407.194.309.089	390.882.606.350
I. Nợ ngắn hạn	256.545.443.686	201.422.986.887
II. Nợ dài hạn	150.648.865.403	189.459.619.463

D-VỐN CHỦ SỞ HỮU	163.907.208.025	175.637.254.008
I. Vốn chủ sở hữu	163.907.208.025	175.637.254.008
1. Vốn góp của chủ sở hữu	144.000.000.000	144.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	1.303.275.917	1.303.275.917
3. Quỹ đầu tư phát triển	16.343.668.444	15.729.339.648
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	837.087.376	13.181.462.155
5. Nguồn vốn đầu tư XDCB	1.423.176.288	1.423.176.288
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	571.101.517.114	566.519.860.358

b. Báo cáo kết quả kinh doanh riêng

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	78.377.321.846	240.646.645.610
2. Giá vốn hàng bán	68.508.309.417	206.199.146.274
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	9.869.012.429	34.447.499.336
4. Doanh thu hoạt động tài chính	12.076.547.845	268.205.383
5. Chi phí tài chính	4.836.769.356	7.033.992.310
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.210.504.906	11.948.825.962
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6.898.286.012	15.732.886.447
8. Thu nhập khác	19.751.735.186	4.945.535.061
9. Chi phí khác	18.443.822.387	8.514.039.285
10. Lợi nhuận khác	1.307.912.799	(3.568.504.224)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.206.198.811	12.164.382.223
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.164.781.759	4.261.383.144
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.041.417.052	7.902.999.079

c. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	8.206.198.811	12.164.382.223
2. Điều chỉnh cho các khoản		

- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	1.987.103.664	2.206.830.799
- Các khoản dự phòng	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(12.076.547.845)	(268.205.383)
- Chi phí lãi vay	4.836.769.356	7.033.992.310
- Các khoản điều chỉnh khác	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	2.953.523.986	21.136.999.949
- Tăng, giảm các khoản phải thu	(8.473.864.476)	(74.876.386)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	3.001.805.750	73.101.742.641
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	(45.081.916.779)	(60.933.180.272)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	(2.434.945.455)	-
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	(4.836.769.356)	(7.033.992.310)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-	(500.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	(1.818.850.796)	(774.025.075)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(56.691.017.126)	24.922.668.547
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(3.642.838.364)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(550.000.000)	(28.092.138.674)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	4.342.138.674
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	12.076.547.845	268.205.383
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	7.883.709.481	(23.481.794.617)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	138.427.093.500	70.800.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(76.395.193.500)	(75.680.000.000)

5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(18.205.674.480)	(15.286.421.520)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	43.826.225.520	(20.166.421.520)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	(4.981.082.125)	(18.725.547.590)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	8.273.129.922	26.998.677.512
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	3.292.047.797	8.273.129.922

2.2. Báo cáo tài chính hợp nhất rút gọn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020:

a. Bảng cân đối kế toán hợp nhất:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN		
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	485.682.148.727	269.387.515.947
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	67.118.860.518	33.686.209.279
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	25.000.000.000	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	312.637.195.025	160.343.021.449
IV. Hàng tồn kho	63.609.638.834	66.142.679.783
V. Tài sản ngắn hạn khác	17.316.454.350	4.215.605.436
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	413.080.662.239	408.045.737.433
I. Các khoản phải thu dài hạn	20.928.000.000	20.400.000.000
II. Tài sản cố định	4.489.483.793	106.395.754.099
III. Bất động sản đầu tư	9.025.929.980	9.358.665.375
IV. Tài sản dở dang dài hạn	358.976.443.032	218.650.198.328
V. Đầu tư tài chính dài hạn	5.600.000.000	42.064.700.000
VI. Tài sản dài hạn khác	14.060.805.434	11.176.419.631
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	898.762.810.966	677.433.253.380
NGUỒN VỐN		
C. NỢ PHẢI TRẢ	703.685.187.776	461.619.149.652
I. Nợ ngắn hạn	318.534.712.411	197.951.308.414
II. Nợ dài hạn	385.150.475.365	263.667.841.238
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	195.077.623.190	215.814.103.728

I. Vốn chủ sở hữu	195.077.623.190	215.814.103.728
1. Vốn góp của chủ sở hữu	144.000.000.000	144.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	1.303.275.917	1.303.275.917
3. Quỹ đầu tư phát triển	18.110.490.603	16.802.728.002
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.386.356.441	692.922.636
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	65.217.689	18.247.992.053
6. Nguồn vốn đầu tư XDCB	1.423.176.288	1.423.176.288
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	28.789.106.252	33.344.008.832
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	898.762.810.966	677.433.253.380

b. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	141.161.047.059	301.161.929.356
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	141.161.047.059	301.161.929.356
4. Giá vốn hàng bán	110.742.857.647	247.447.289.851
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	30.418.189.412	53.714.639.505
6. Doanh thu hoạt động tài chính	1.498.248.781	266.727.390
7. Chi phí tài chính	5.971.055.603	6.740.938.611
- Trong đó: Chi phí lãi vay	5.971.055.603	6.740.938.611
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	1.800.000.000	768.244.034
9. Chi phí bán hàng	-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.912.735.313	20.075.086.016
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22) + 24 - (25+26)}	8.832.647.277	27.933.586.302
12. Thu nhập khác	19.751.735.186	4.945.535.061
13. Chi phí khác	18.493.688.913	8.655.549.902
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	1.258.046.273	(3.710.014.841)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	10.090.693.550	24.223.571.461
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.236.254.812	6.932.055.157

17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	360.000.000	360.000.000
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	5.494.438.738	16.931.516.304
19. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	2.623.985.842	16.229.611.727
20. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát	2.870.452.895	701.904.577
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	86	1.006
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	-	-

c. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (PPGT):

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	-	-
1. Lợi nhuận trước thuế	10.090.693.550	24.223.571.461
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2.447.765.701	2.743.543.672
- Các khoản dự phòng	-	(1.800.000.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(1.498.248.781)	(266.727.390)
- Chi phí lãi vay	5.971.055.603	6.740.938.611
- Các khoản điều chỉnh khác		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	17.011.266.073	31.641.326.354
- Tăng, giảm các khoản phải thu	(113.519.302.226)	27.208.956.609
- Tăng, giảm hàng tồn kho	2.533.040.949	72.489.206.057
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	131.414.730.110	(125.466.735.351)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	(16.075.406.067)	(11.176.419.631)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	(5.971.055.603)	(6.740.938.611)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(4.125.347.533)	(2.009.883.237)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(3.712.249.996)	(738.217.553)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	7.555.675.706	(14.792.705.363)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(40.535.004.704)	(16.649.051.571)

2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(23.300.000.000)	(5.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	552.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(550.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.498.248.781	266.727.390
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(62.334.755.923)	(21.382.324.181)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	166.721.748.936	127.200.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	(60.995.193.500)	(72.080.000.000)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(17.514.823.980)	(15.286.421.520)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	88.211.731.456	39.833.578.480
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	33.432.651.239	3.658.548.936
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	33.686.209.279	30.027.660.343
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	67.118.860.518	33.686.209.279

TM. HĐQT CÔNG TY
CHỦ TỊCH



CHỦ TỊCH HĐQT
Lê Quốc Bình